

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN AN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-06-2020

V/v ly hôn giữa ông H và bà H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lương Trường Khánh

Bà Lê Thị Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Tuấn H, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 02 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Tuấn H trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Kim H quen biết và chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Tân An, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2005. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến tháng 05/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà H không quan tâm đến ông, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông buồn bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2017 và vợ chồng chấm dứt quan hệ từ đó cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Lê Mộng H, sinh ngày 02/6/2006 và Lê Huyền N, sinh ngày 19/6/2008, hiện đang sống chung với bà H.

Khi ly hôn ông yêu cầu bà H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Thị Kim H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, ông Lê Tuấn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và yêu cầu về con chung đối với bà H.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa ông H và bà H là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H vắng mặt, không có trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của ông H, bà H không thiết tha hàn gắn tình cảm với ông H. Mâu thuẫn giữa ông H và bà H đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu con chung của ông H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Tuấn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Kim H. Bà H có địa chỉ cư trú ở xã A, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Thành phố Tân An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn H và bà Phạm Thị Kim H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Tân An, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 02 năm 2005 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, ông H và bà H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 02 con chung, phát sinh mâu thuẫn vào năm 2017 do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cả hai không còn quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 05/2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc ông H xin ly hôn nhưng bà H không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ với ông H. Điều đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà H, ông không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà H có 02 con chung là Lê Mộng H, sinh ngày 02/6/2006 và Lê Huyền N, sinh ngày 19/6/2008, hiện đang sống chung với bà H. Khi ly hôn ông H yêu cầu Tòa án giao con chung Lê Mộng H và Lê Huyền N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy 02 cháu H và N hiện bà H nuôi dưỡng, bà H vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu về con chung của ông H. Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 19/02/2020 của Tòa án cháu Huyền và Nữ nguyện vọng muốn sống với mẹ.

Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của cháu H và N nên chấp nhận yêu cầu của ông H. Tiếp tục giao hai cháu H và N cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đề cập.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của ông H là có căn cứ.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn H đối với bà Phạm Thị Kim H.

Ông Lê Tuấn H được ly hôn với bà Phạm Thị Kim H.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Mộng H, sinh ngày 02/6/2006 và Lê Huyền N, sinh ngày 19/6/2008. Ông Lê Tuấn H không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia

đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Tuấn H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004280 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- UBND xã AVN, tp. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diễm Hằng**